

đ) Đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu thì phải nộp xong thuế trước khi nhận hàng. Trong trường hợp có sự bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp của các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác được phép thực hiện một số hoạt động Ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, thì thời hạn nộp thuế là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo chính thức của cơ quan thu thuế về số thuế phải nộp. Bộ Thương mại chủ trì cùng với các Bộ có liên quan để quy định danh mục hàng tiêu dùng nhập khẩu quy định tại điểm này.

Quá thời hạn nộp thuế nêu trên mà đối tượng nộp thuế chưa nộp thì tổ chức bảo lãnh phải có trách nhiệm nộp thay cho đối tượng nộp thuế số tiền thuế đó.

Việc bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế, quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng thực hiện bảo lãnh, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế được bảo lãnh thực hiện theo Điều 58, 59, 60 Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997.

Điều 5. Đối tượng nộp thuế vi phạm Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì tùy theo từng hành vi và mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định tại khoản 5, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998 và các văn bản pháp luật khác về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan.

Điều 6. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999. Những quy định khác về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước đây trái với các quy định của Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
KT. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 98/1998/ND-CP ngày 19/11/1998 về việc thành lập phường Phước Long thuộc thành phố Nha Trang và xã Ninh Sơn thuộc huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập phường và xã thuộc thành phố Nha Trang và huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Thành lập phường Phước Long thuộc thành phố Nha Trang trên cơ sở 427 ha diện tích tự nhiên và 14.391 nhân khẩu của phường Phước Hải.

Địa giới hành chính phường Phước Long: Bắc giáp phường Phước Hải; Nam giáp xã Phước

Đông; Đông giáp phường Vĩnh Nguyên; Tây giáp xã Vĩnh Thái.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, phường Phước Hải có 256 ha diện tích tự nhiên và 13.476 nhân khẩu.

2. Thành lập xã Ninh Sơn thuộc huyện Ninh Hòa trên cơ sở 17.175 ha diện tích tự nhiên và 6.267 nhân khẩu của xã Ninh An.

Địa giới hành chính xã Ninh Sơn: Đông giáp xã Ninh An; Tây giáp huyện M'Đrăc (tỉnh Đắk Lắk); Nam giáp xã Ninh Thượng; Bắc giáp huyện Sông Hinh (tỉnh Phú Yên) và huyện Vạn Ninh.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Ninh An có 3.962 ha diện tích tự nhiên và 10.465 nhân khẩu.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 99/1998/
NĐ-CP ngày 28/11/1998 về quản lý
mua, bán tàu biển.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Nhằm quản lý có hiệu quả các dự án mua, bán tàu biển phù hợp với quy hoạch phát triển, từng bước hiện đại hóa đội tàu biển quốc gia, bảo đảm các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường biển, cải tiến một bước các thủ tục phê duyệt, quyết định và cấp phép mua, bán tàu biển;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Mua, bán tàu biển*" là quá trình tìm hiểu thị trường, chuẩn bị hồ sơ dự án để xin phê duyệt, ra quyết định và cấp phép mua, bán, ký kết và thực hiện hợp đồng mua, bán tàu biển.

2. "*Dự án mua, bán tàu biển*" là Dự án mua, bán một hoặc nhiều tàu biển.

3. "*Người mua, bán tàu biển*" là các tổ chức, cá nhân thực hiện việc mua, bán tàu biển.

4. "*Vốn ngân sách Nhà nước hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước*" bao gồm tiền hoặc tài sản do Nhà nước trực tiếp đầu tư, cho vay hoặc các nguồn khác Nhà nước giao cho tổ chức, doanh nghiệp quản lý và sử dụng.

5. "*Người có thẩm quyền quyết định mua, bán tàu biển*" là người đại diện cho tổ chức hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mua, bán tàu biển theo phân cấp tại Điều 10 của Nghị định này.

6. "*Giấy phép mua, bán tàu biển*" là giấy phép do Bộ Giao thông vận tải cấp cho Người mua, bán tàu biển theo đúng điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này.

7. "*Hợp đồng mua, bán tàu biển*" bao gồm các